

Hợp Đồng số:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TP.HCM, ngày tháng năm 2016

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC SMS

(V/v: Kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng trên điện thoại qua đầu số ngắn 8x00)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Pháp lệnh bưu chính và Viễn thông được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/05/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai Bên.

Hôm nay, chúng tôi gồm:

Bên A	:	
Giấy CNĐKKD số	:	
Địa chỉ	:	
Người đại diện	:	Chức vụ:
Điện thoại	:	Fax:
Email	:	
Mã số thuế	:	
Số tài khoản (VNĐ)	:	

(Sau đây còn gọi là “đối tác thuê đầu số”)

Và

Bên B	:	CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT
Giấy CNĐKKD số	:	
Địa chỉ	:	Lô L.29B-31B-33B đường Tân Thuận, khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người đại diện	:	Ông Trần Hải Dương Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Điện thoại	:	08.73002222 Fax:
Mã số thuế	:	0305793402
Số tài khoản (VNĐ)	:	007.100.0898982 tại ngân hàng Vietcombank - CN Hồ Chí Minh

Sau khi bàn bạc và trao đổi, hai Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng theo các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP TÁC

- Hai Bên nhất trí cùng nhau hợp tác triển khai các dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông bằng phương tiện tin nhắn SMS (Short Message Service) qua các đầu số 8x00 của Bên B (gọi tắt là “**Dịch Vụ**”).
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ký kết trong Hợp Đồng này và các quy định khác trong các phụ lục đính kèm (nếu có).

ĐIỀU 2: TỶ LỆ PHÂN CHIA DOANH THU VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1. TỶ LỆ PHÂN CHIA DOANH THU

2.1.1. Nguyên tắc chung

- Các khoản chi phí đầu tư máy móc, trang thiết bị cần thiết phục vụ tại Bên nào Bên đó tự chịu.
- Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình điều hành tại Bên nào sẽ do Bên đó tự chịu. Riêng đối với các chi phí phát sinh do giải quyết tranh chấp, khiếu kiện của khách hàng sử dụng

Dịch Vụ sẽ do hai Bên cùng xem xét giải quyết theo nguyên tắc sai sót ở Bên nào Bên đó sẽ chịu trách nhiệm.

2.1.2. Bảng giá Bên B được hưởng sau TELCO (“TELCO” được hiểu là Viettel, Mobifone, Vinaphone, VietNam, Mobile hoặc Beeline)

- Tin nhắn MO (Mobile Originated) là tin nhắn xuất phát từ số thuê bao di động sử dụng Dịch Vụ (sau đây gọi là “khách hàng”) đến số 8x00.
- Tin nhắn MT (Mobile Terminated) là tin nhắn xuất phát từ hệ thống của Bên B thông qua hệ thống của TELCO để gửi đến khách hàng.
- CDR (Charging Data Record) là số lượng tin nhắn thành công và tính được cước của khách hàng (dựa trên số liệu đối soát giữa Bên B và TELCO).
- Đơn giá TELCO phân chia cho Bên B được xác định như sau:

Đầu số Dịch Vụ	Thu từ khách hàng (Đồng/SMS)	Giá cước áp dụng phân chia				
		Viettel	Mobifone	Vinaphone	VietNam Mobile	Beeline
8100	1,500	450	480	525	360	600
8200	2,000	800	800	800	800	900
8300	3,000	1,200	1,200	1,200	1,300	1,350
8400	4,000	1,600	1,600	1,600	1,800	1,800
8500	5,000	2,250	2,000	2,250	2,300	2,500
8600	10,000	4,500	4,000	4,500	5,759	5,000
8700	15,000	6,750	6,000	6,750	8,760	7,500

(Lưu ý: Đơn giá trên đã bao gồm 10% thuế VAT. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh nếu như các TELCO thay đổi giá cước)

2.1.3. Định mức MT vượt

- Đối với mỗi tin nhắn chiều đi (MO), Bên A cung cấp nội dung được miễn phí một bản tin chiều về (MT). Nếu số tin nhắn MT vượt quá số tin nhắn MO (gọi là MT vượt), Bên A phải trả thêm cho Bên B chi phí vượt trội.
- Định mức MT vượt áp dụng theo từng đầu số:

Đầu số	MT miễn phí	MT vượt tối đa đối với các mạng	Ghi chú
8100 (1.500 VNĐ)	1	0	1 MO = 1 MT miễn phí. Nếu số MT lớn hơn MO, thì số MT vượt định mức này sẽ áp dụng đơn giá MT vượt định mức.
8200 (2.000 VNĐ)	1	1	
8300 (3.000 VNĐ)	1	2	
8400 (4.000 VNĐ)	1	2	
8500 (5.000 VNĐ)	1	3	
8600 (10.000 VNĐ)	1	5	
8700 (15.000 VNĐ)	1	5	

Định mức MT vượt áp dụng theo từng đầu số: Quy định riêng về đơn giá MT vượt của từng TELCO: Nếu tổng số MT vượt quá tổng số MO tính trên từng đầu số, từng TELCO và trong một dải số, mức cước MT được quy định như sau:

- Đối với mạng Viettel:
 - Các MT vượt nằm trong định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 100 VNĐ/1MT
 - Các MT vượt lớn hơn định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 600 VNĐ/1MT vượt định mức.
- Đối với mạng Mobifone:
 - Các MT vượt nằm trong định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 100 VNĐ/1MT

- Các MT vượt lớn hơn định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 550 VNĐ/1MT vượt định mức
- Đối với mạng Vinaphone:
- Các MT vượt nằm trong định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 100 VNĐ/1MT
- Các MT vượt lớn hơn định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 500 VNĐ/1MT vượt định mức
- Đối với mạng Vietnamobile và Beeline, Gtel:
- Các MT vượt nằm trong định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 200 VNĐ/1MT
- Các MT vượt lớn hơn định mức MT theo bảng quy định trên, đối tác thuê đầu số phải trả 200 VNĐ/1MT vượt định mức

(Đơn giá trên đã bao gồm 10% VAT)

2.1.4. Tỷ lệ phân chia doanh thu giữa Bên A và Bên B

- Tỷ lệ phân chia doanh thu giữa hai Bên sau khi trừ tất cả các chi phí với TELCO (bao gồm: tỷ lệ phần trăm TELCO thu lại, tỷ lệ thất thoát cước và các chi phí khác nếu có) được tính như sau:

Tỷ lệ phân chia	
Bên A	Bên B

(Lưu ý: Tỷ lệ phân chia trên sẽ được điều chỉnh nếu như TELCO thay đổi giá cước).

2.2. ĐỐI SOÁT - THANH TOÁN

2.2.1. **Đối soát:** Vào ngày thứ 15 của tháng tiếp theo (“Tháng T+1”), Bên B chịu trách nhiệm thống kê tổng hợp sản lượng các tin nhắn và làm biên bản xác nhận sản lượng - doanh thu (“**Biên Bản Đối Soát**”) tính đến 23 giờ 59 phút 59 giây ngày cuối cùng của tháng trước đó (“Tháng T”) gửi cho Bên A bằng thư điện tử (email). Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được Biên Bản Đối Soát, Bên A gửi lại phản hồi xác nhận thống nhất biên bản bằng thư điện tử (email).

2.2.2. Hình thức thanh toán:

- Sau khi Hai bên thực hiện đối soát số liệu theo Điều 2.2.1, Bên A sẽ gửi toàn bộ hồ sơ yêu cầu thanh toán bao gồm: Biên bản xác nhận số liệu có chữ ký của người có thẩm quyền của Bên A và Hóa đơn Giá trị gia tăng cho Bên B. Bên B sẽ tạm ứng cho Bên A 50% doanh thu phát sinh trong Tháng T trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.
- Sau khi có biên bản đối soát của TELCO, Bên B sẽ tiến hành ký Biên bản đối soát chính thức với Bên A và thanh toán phần doanh thu còn lại theo Biên bản đối soát chính thức này sau khi khấu trừ khoản thanh toán tạm ứng trước đó và sau khi Bên A đã gửi Hóa đơn tài chính hợp lệ với số tiền phải trả tương ứng cho Bên B trong vòng tối đa 30 (ba mươi) ngày sau đó. Ngày xuất hóa đơn tài chính của Bên A cho Bên B không được vượt quá thời gian 02 (hai) tháng sau thời điểm cuối tháng phát sinh cước tương ứng, Bên B không có nghĩa vụ thanh toán nếu Bên A vi phạm quy định này.
- Các Bên đồng ý rằng nếu Bên nào không tuân thủ quy định về điều kiện thanh toán và lịch thanh toán quy định trong Hợp Đồng này, thì Bên đó sẽ chịu lãi chậm trả do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm chậm trả từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán đầy đủ.
- Vì mục đích của Hợp Đồng này, nếu một ngày rơi vào ngày thứ Bảy hoặc Chủ Nhật hoặc vào ngày nghỉ lễ, thì ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc tiếp theo khi các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa làm việc.

2.2.3. Bên A sẽ chịu chi phí TELCO (nếu có) bao gồm nhưng không giới hạn chi phí khuyến mại, tỷ lệ thất thoát, chi phí MT vượt, chi phí chăm sóc khách hàng dựa trên cơ sở số liệu do các TELCO cung cấp.

2.2.4. Loại tiền thanh toán: Việt Nam Đồng (VNĐ).

2.2.5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

3.1. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

3.1.1. Trách nhiệm của Bên A

- a. Chịu trách nhiệm quảng cáo và triển khai kinh doanh Dịch Vụ đúng với quy định của pháp luật Việt Nam.
- b. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin Dịch Vụ của riêng Bên A, nội dung thông tin Dịch Vụ không được vi phạm pháp luật của Việt Nam và phù hợp với văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam.
- c. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu các nội dung cung cấp vi phạm các quy định của Pháp Luật về bản quyền, Quyền sở hữu trí tuệ và các vi phạm khác có liên quan và chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí phát sinh (nếu có) do sự vi phạm này gây ra;
- d. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin của mình trên tin nhắn.
- e. Cập nhật và kiểm duyệt nội dung cung cấp cho Dịch Vụ, đảm bảo các nội dung cung cấp cho Dịch Vụ không vi phạm pháp luật và tuân thủ các quy định hiện hành như: Luật Báo chí, Luật bản quyền, Luật sở hữu trí tuệ; Pháp lệnh về Bưu chính Viễn thông và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
- f. Bên A có trách nhiệm phải thông báo nội dung kinh doanh (nội dung MT) cho Bên B kiểm duyệt 05 (năm) ngày trước khi triển khai (bằng email hoặc văn bản). Trường hợp Bên B không nhận được thông báo này, Bên B sẽ dừng toàn bộ kết nối và chấm dứt Hợp Đồng hợp tác với Bên A. Qua đó, Bên A sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước những nội dung đã triển khai.
- g. Chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề khiếu nại, khiếu kiện của khách hàng hoặc các điều tra của cơ quan quản lý Nhà nước.
- h. Cung cấp thông tin chi tiết về Dịch Vụ cho Bên B trước 07 (bảy) ngày để Bên B chuẩn bị nhân sự, kỹ thuật cho việc mở mã và kết nối cung cấp Dịch Vụ.
- i. Trong trường hợp thay đổi kịch bản Dịch Vụ, Bên A phải thông báo cho Bên B trước 07 (bảy) ngày để phối hợp thông báo cho khách hàng và cập nhật hệ thống cung cấp Dịch Vụ trong trường hợp đạt được sự chấp thuận của Bên B.
- j. Nghiêm túc chấp hành quy định chống Spam tin của các TELCO cũng như những quy định trong Hợp Đồng giữa Bên B ký kết với các TELCO.
- k. Những Dịch Vụ và nội dung mà Bên B cung cấp cho Bên A hoặc Bên A tự tổ chức kinh doanh có thưởng, thì Bên A phải tự trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng.
- l. Trong trường hợp trả thưởng các Dịch Vụ do Bên A tự cung cấp thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức trả thưởng. Không được tự ý sử dụng thương hiệu của Bên B để trả thưởng khi chưa được sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.
- m. Nếu Bên A không triển khai kinh doanh sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Bên B được miễn trừ mọi trách nhiệm.
- n. Không được gửi tin nhắn rác quảng bá Dịch Vụ (trong đó có: quảng bá cú pháp, đầu số do Bên B cung cấp; hoặc quảng bá website, đường link wap...có chứa nội dung về Dịch Vụ và đầu số của Bên B) từ một số di động bất kỳ đến các thuê bao di động với mục đích: lôi kéo, mời gọi, lừa đảo...các khách hàng tham gia sử dụng Dịch Vụ của Bên A. Nếu Bên B phát hiện Bên A vi phạm quy định này thì Bên B sẽ không thanh toán doanh thu phát sinh trong tháng vi phạm, đồng thời chuyển dữ liệu sang cho cơ quan điều tra xử lý. Nếu lỗi này gây thiệt hại cho Bên B thì Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B (mức bồi thường sẽ do Bên B quy định, nếu có)
- o. Bên A có quyền trả về MT đính kèm (là MT quảng bá Dịch Vụ khác trên đầu số 8x00 do Bên A cung cấp) cho các thuê bao đã tham gia sử dụng Dịch Vụ của Bên A. Nội dung MT đính kèm phải chính xác, phải gắn với đầu số của Bên B. Thời gian trả MT đính kèm **phải trả ngay trong ngày** khi thuê bao sử dụng Dịch Vụ nhắn tin đến hệ thống của Bên B. Nếu Bên B phát hiện Bên A vi phạm gửi nội dung mang tính lừa đảo hoặc gửi sang ngày kế tiếp thì Bên B sẽ ngừng cung cấp MT đính kèm đối với các Dịch Vụ của Bên A và sẽ phạt Bên A nếu việc vi phạm này gây thiệt hại cho Bên B (mức bồi thường sẽ do Bên B quy định, nếu có). Lưu ý: số lượng MT đính kèm sẽ được chốt theo ngày. Ví dụ: ngày 30/10/2011 thuê bao nhắn tin đến thì

MT đính kèm để trả cho thuê bao này sẽ phải gửi trong ngày 30/10/2011 không được kéo dài sang ngày kế tiếp.

- p. Các tin nhắn: sai cú pháp, sai đầu số, trả về MT không đúng, sai nội dung so với quảng cáo...thì đều không được tính cước (CDR). Nếu Bên A có server tự xử lý nội dung phải tuyệt đối tuân thủ quy định này, trường hợp Bên B phát hiện Bên A cố tình đẩy tin hiệu tính cước (CDR) sang hệ thống của Bên B đối với các loại bản tin này thì Bên B sẽ ngừng cung cấp Dịch Vụ cho Bên A và không tiến hành thanh toán đối với doanh thu phát sinh trong tháng vi phạm, đồng thời chuyển dữ liệu sang cho cơ quan điều tra xử lý. Nếu lỗi này gây thiệt hại cho Bên B thì Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên B (mức bồi thường sẽ do Bên B quy định, nếu có)
- q. Doanh thu tối thiểu mỗi tháng Bên A phải đạt từ 2.000.000 đồng trở lên sau khi đã trừ đi TELCO, nếu Bên A không đạt mức doanh thu tối thiểu này Bên B sẽ không tiến hành đối soát và thanh toán cho tháng không đạt mức doanh thu. Những tháng phát sinh doanh thu trên mức 2 triệu đồng/tháng sẽ được Bên B đối soát, phân chia doanh thu cho Bên A theo tỷ lệ đã quy định trong Hợp Đồng hợp tác.
- r. Trong trường hợp đối soát với TELCO mà có phát sinh những chi phí do thất thoát cước; chi phí khuyến mãi, chi phí chăm sóc khách hàng và MT vượt thì Bên A hoàn toàn chịu những chi phí đó.
- s. Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các tin nhắn được hiển thị trên tool sản lượng của Bên B nếu Bên B phát hiện ra Bên A vi phạm, tin nhắn của Bên A không được TELCO thanh toán tiền thì Bên A phải hoàn trả lại số tiền mà Bên B đã tạm ứng hoặc đã thanh toán cho Bên A. Đồng thời Bên A phải chịu toàn bộ chi phí thiệt hại mà Bên B phải chịu từ những tin nhắn không hợp pháp của Bên A.
- t. Đối với những tin nhắn không hợp pháp của Bên A mà không được TELCO thanh toán tiền cho Bên B thì Bên A có trách nhiệm hoàn trả số tiền Bên B đã tạm ứng hoặc đã thanh toán cho Bên A chậm nhất là 07 (bảy) ngày sau đó, nếu Bên A hoàn trả chậm sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày có công văn của Bên B về vấn đề hoàn trả tiền thì sẽ chịu phạt chậm thanh toán một khoản 150% lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Quân Đội tính từ thời điểm chậm thanh toán.
- u. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin Dịch Vụ của riêng Bên A, nội dung thông tin Dịch Vụ không được vi phạm pháp luật của Việt Nam và phù hợp với văn hóa Việt Nam.
- v. Bên A không được sử dụng thương hiệu (tên FPT, Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc tế FPT, Công ty CP viễn thông FPT...) của Bên B để quảng bá Dịch Vụ khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B. Trong bất cứ trường hợp nào Bên A cố tình sử dụng thương hiệu của Bên B để gây hiểu lầm cho khách hàng sử dụng Dịch Vụ thì Bên B có quyền kiện Bên A và yêu cầu bồi thường (mức độ bồi thường sẽ căn cứ vào mức độ vi phạm của Bên A).
- w. Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên B trên số tiền mà Bên B thanh toán cho Bên A. Theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.
- x. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin của mình trên tin nhắn.
- y. Đối với riêng mạng Viettel, đối tác phải chịu chi phí khai báo mã và phí duy trì mã Dịch Vụ. Phần chi phí này sẽ được trừ vào phần doanh thu hàng tháng của Bên A.
- z. Tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng Dịch Vụ viễn thông và các điều khoản quy định trong Hợp Đồng này.

3.1.2. Quyền hạn của Bên A

- a. Yêu cầu Bên B cung cấp các báo cáo thống kê và đối soát sản lượng – doanh thu Dịch Vụ hàng tháng.
- b. Được phân chia doanh thu theo số lượng tin nhắn theo qui định chi tiết trong điều 2 của Hợp Đồng này cũng như được thanh toán đúng thời hạn theo Hợp Đồng.
- c. Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện các yêu cầu kỹ thuật về khai báo và mở mã tiếp nhận tin nhắn yêu cầu, định tuyến các tin nhắn yêu cầu về máy chủ xử lý của Bên A.

3.2. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

3.2.1. Trách nhiệm của Bên B

- a. Chịu trách nhiệm phát triển và duy trì hệ thống kết nối với các mạng viễn thông, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

- b. Chịu trách nhiệm kết nối, bảo trì, vận hành kỹ thuật, đảm bảo hệ thống kỹ thuật được vận hành tốt nhất.
- c. Đảm bảo tính thông suốt về nội dung thông tin giữa khách hàng sử dụng Dịch Vụ và máy chủ của Bên B.
- d. Đảm bảo kết nối được hệ thống tin nhắn tới tối thiểu là các nhà cung cấp Dịch Vụ viễn thông di động sau: VINAPHONE, MOBIFONE, VIETTEL, GTEL, VIETNAMMOBILE.
- e. Chịu trách nhiệm phối hợp với các nhà khai thác mạng di động và cố định để phục vụ và thu cước người sử dụng Dịch Vụ.
- f. Chịu trách nhiệm đối soát, xác nhận số liệu và thanh toán cho Bên A đúng thời hạn.
- g. Chịu trách nhiệm tổ chức đội ngũ chăm sóc khách hàng để hướng dẫn sử dụng các Dịch Vụ, tiếp nhận các phản hồi, khiếu nại của khách hàng với các Dịch Vụ.
- h. Khi có thay đổi đơn giá mới, Bên B có trách nhiệm gửi thông báo cho Bên A bằng văn bản. Việc thay đổi đơn giá sẽ được thông báo cho Bên A dưới hình thức Công văn. Các văn bản thông báo này sẽ thay cho Phụ lục Hợp Đồng. Bên A có nghĩa vụ gửi thông báo trả lời trong thời gian 07 (bảy) ngày. Trường hợp Bên A không có bất kỳ phản hồi nào thì đồng nghĩa với việc Bên A chấp thuận đơn giá mới của Bên B. Trường hợp Bên A không chấp thuận thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Bên A vẫn sẽ phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trước khi kết thúc Hợp Đồng.
- i. Các trách nhiệm khác liên quan được qui định trong các phụ lục bổ sung.

3.2.2. Quyền hạn của Bên B

- a. Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp thông tin về các Dịch Vụ để chuẩn bị nhân sự và kỹ thuật cho việc triển khai cung cấp Dịch Vụ.
- b. Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin cần thiết để đảm bảo thực hiện kết nối và trao đổi dữ liệu kịp thời.
- c. Được quyền phê chuẩn chất lượng nội dung do Bên B cung cấp và được quyền từ chối chấp nhận nếu thấy không đạt chất lượng yêu cầu hoặc có dấu hiệu vi phạm các quy định về bản quyền
- d. Được quyền từ chối hợp tác cung cấp Dịch Vụ nếu nội dung Dịch Vụ cung cấp vi phạm một trong các qui định sau đây:
 - Chưa được sự đồng ý của Bên B;
 - Nội dung Dịch Vụ gây sự hiểu lầm hay nhầm lẫn với các Dịch Vụ đang triển khai của Bên B;
 - Vi phạm các qui định của pháp luật Việt Nam, thuần phong mỹ tục của Việt Nam, quy định spam và của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam hoặc có thể dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện.
- e. Được quyền tạm ngưng phục vụ khi phát hiện hệ thống có sự cố hoặc có nguy cơ dẫn đến sụp đổ các hệ thống của Bên B.

ĐIỀU 4: QUY ĐỊNH SPAM

Bên A phải cam kết tuân thủ tất cả những quy định về luật chống spam qua tin nhắn và có trách nhiệm giải đáp cho Khách hàng nếu có thắc mắc. Các quy định này sẽ tuân theo các Quy định của TELCO và sẽ được Bên B cập nhật cho Bên A bằng văn bản nếu có thay đổi. Cụ thể như sau:

4.1. Đối với khách hàng của Vinaphone

- Khách hàng không được gửi quá 01 tin nhắn trong vòng 6 giây.
- Khách hàng không được gửi quá 03 tin nhắn có cùng nội dung với một số điện thoại trong thời gian 5 phút.
- Khách hàng không được gửi quá 05 tin nhắn có cùng nội dung với một số điện thoại trong thời gian 10 phút.
- Khách hàng không được gửi quá 30 tin nhắn có cùng nội dung với một số điện thoại trong thời gian 01 giờ.
- Khách hàng không được gửi quá 100 tin nhắn trong vòng 24 giờ.

4.2. Đối với khách hàng của Mobiphone

- Khách hàng không được gửi quá 1 tin nhắn có cùng số điện thoại trong vòng 6 giây.

- Khách hàng không được sử dụng các Dịch Vụ nội dung của một nhà cung cấp quá 300.000 đồng (đã bao gồm cả thuế VAT) trong ngày (từ 0h00:00 đến 23h59:59).
- 4.3. Đối với khách hàng của Viettel**
- Khách hàng không được sử dụng các Dịch Vụ nội dung của một nhà cung cấp quá 150.000 đồng (đã bao gồm cả thuế VAT) trong ngày (từ 0h00:00 đến 23h59:59).
 - Khoảng cách thời gian kết thúc tin nhắn trước và thời gian bắt đầu tin nhắn sau không được dưới 05 giây.
- 4.4. Đối với khách hàng của Sfone**
- Khách hàng không được gửi quá 3 tin nhắn có cùng nội dung với một số điện thoại trong thời gian 5 phút.
 - Khách hàng không được gửi quá 5 tin nhắn có cùng nội dung với một số điện thoại trong thời gian 10 phút.
 - Khách hàng không được gửi quá 30 tin nhắn có cùng nội dung với một số điện thoại trong thời gian 1 giờ.
 - Khách hàng không được gửi quá 100 tin nhắn trong vòng 24 giờ.
- 4.5. Đối với khách hàng của VietNamMobile**
- a. Đối với bản tin SMS có mức cước từ 10.000 đồng trở xuống
- Khách hàng không được gửi quá 3 tin nhắn có cùng nội dung từ một số điện thoại trong thời gian 5 phút.
 - Khách hàng không được gửi quá 10 tin nhắn có cùng nội dung từ một số điện thoại trong thời gian 1 giờ.
 - Khách hàng không được gửi quá 100 tin nhắn trong vòng 24 giờ.
- b. Đối với các bản tin SMS có mức cước lớn hơn 10.000 đồng.
- Khách hàng không được gửi quá 3 tin nhắn có cùng nội dung từ một số điện thoại trong thời gian 30 phút.
 - Khách hàng không được gửi quá 10 tin nhắn có cùng nội dung từ một số điện thoại trong thời gian 24 giờ.

ĐIỀU 5: TẠM NGỪNG, TẠM CẮT, THAY ĐỔI NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1. Bên B sẽ tạm cắt Dịch Vụ của Bên A nếu Bên A vi phạm các điều khoản qui định trong Hợp Đồng này
- 5.2. Dịch Vụ chỉ được Bên B mở lại sau khi Bên A chấm dứt việc vi phạm các điều khoản qui định trong Hợp Đồng này và nộp đầy đủ các khoản phí phát sinh do việc vi phạm (nếu có)
- 5.3. Tỷ lệ phạt vi phạm Hợp Đồng được tính theo mức cao nhất của văn bản pháp luật hiện hành.
- 5.4. Mọi thay đổi liên quan đến Hợp Đồng phải có văn bản đề nghị của Bên A hoặc Bên B trước 05 (năm) ngày để giải quyết. Mọi chi phí phát sinh cho việc thay đổi Hợp Đồng do nguyên nhân từ Bên nào thì Bên đó có trách nhiệm thanh toán.
- 5.5. Hai Bên sẽ thỏa thuận trước tối thiểu 30 (ba mươi) ngày để gia hạn Hợp Đồng hoặc thanh lý Hợp Đồng trước khi Hợp Đồng hết hiệu lực.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 6.1. Các Bên cam kết giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp Đồng này bao gồm cả các Phụ lục kèm theo. Tất cả các thông tin của Hợp Đồng này không được tiết lộ cho bất kỳ Bên thứ ba nào, trừ khi có được sự nhất trí bằng văn bản của hai Bên tham gia Hợp Đồng.
- 6.2. Các Bên không được làm lộ bí mật về các thông số mạng và các thông tin về mạng mà hai Bên trao đổi cho nhau.
- 6.3. Các Bên sẽ không thông báo với đại chúng về sự tồn tại và nội dung bản Hợp Đồng này hoặc bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến mục đích của Hợp Đồng mà không nhận được sự nhất trí của Bên kia. Nghĩa vụ bảo mật theo điều khoản này vẫn duy trì hiệu lực sau khi Hợp Đồng này kết thúc.
- 6.4. Đối với những nội dung của Bên A thì Bên A phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật liên quan đến bản quyền tác giả và sở hữu trí tuệ các nội dung thông tin cung cấp cho khách hàng.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 7.1. Hợp Đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:
- Theo quy định của pháp luật
 - Nghĩa vụ của các Bên trong Hợp Đồng đã hoàn thành đầy đủ.
 - Bên A không đạt doanh thu tối thiểu trong vòng 06 (sáu) tháng liên tiếp thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng.
 - Các Bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng và phải đạt được thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt.
 - Hợp Đồng hết hạn mà không được gia hạn.
 - Nếu một Bên vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và không thể khắc phục được trong vòng tối đa 20 (hai mươi) ngày thì Bên kia có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn bằng việc gửi văn bản thông báo trước 10 (mười) ngày. Các Bên sẽ tiến hành thanh toán các nghĩa vụ còn lại, Bên nào có lỗi phải có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia.
- 7.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng:
- Một bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng việc gửi thông báo cho Bên còn lại trong trường hợp bên đó vi phạm các nội dung của Hợp đồng và không khắc phục trong thời gian quy định hoặc quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm của Bên kia nếu Hợp đồng không có quy định một thời gian cụ thể. Bên vi phạm Hợp Đồng sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp cho bên bị vi phạm, ngoài ra bên vi phạm còn phải trả cho bên bị vi phạm một khoản tiền phạt hợp đồng theo Hợp Đồng này và pháp luật hiện hành.
 - Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A cung cấp tin nhắn rác cho khách hàng.

ĐIỀU 8: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Các Bên sẽ được miễn trừ trách nhiệm pháp lý về các sự cố gây cản trở gián đoạn làm ngừng các hoạt động và nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này, nếu các sự cố đó được gây ra bởi một hay nhiều sự kiện bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát, trong từng trường hợp đều đã không thể ngăn chặn hay dự đoán trước mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp khắc phục cho phép như phòng ngừa và dự kiến, bao gồm và không giới hạn bởi chiến tranh, xâm chiếm, xung đột vũ trang, kẻ thù bên ngoài, thiên tai, đình công, bãi công, sự cố về điện, sự cố viễn thông...và sự thay đổi về luật pháp, quy định của Nhà nước
- 8.2. Ngay sau khi phát hiện sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại và/hoặc thông báo bằng các phương tiện khác, và trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau đó phải thông báo cho các Bên biết bằng văn bản về các biện pháp khắc phục mà Bên bị ảnh hưởng đã thực hiện.
- 8.3. Bên bị ảnh hưởng ngay lập tức tiếp tục thực hiện các cam kết của mình theo Hợp đồng này vào bất kỳ thời điểm nào khi sự ngăn cản, hạn chế hoặc cản trở việc thực hiện các cam kết đã được loại bỏ.

ĐIỀU 9: PHẠT VI PHẠM

- 9.1. Vi phạm Hợp đồng là trường hợp một trong hai Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, điều kiện, các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng và các Hợp đồng Chi tiết hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 9.2. Nếu Bên Vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm Hợp đồng thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp Đồng bằng tám phần trăm (8%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm cho Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 10: ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

TT	Bộ phận	(Bên A)	Công TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT (Bên B)
----	---------	---------	---

TT	Bộ phận	(Bên A)	Công TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT (Bên B)
1	Kinh doanh	Ông /Bà : Điện thoại: ext Fax Email: Mobile:	Ông: Nguyễn Tuấn Anh Trưởng phòng DV Voice Điện thoại: (04) 73002222 ext 4937 Fax: Email: anhnt43@fpt.com.vn Mobile: 093.881.1525
2	Kỹ thuật	Ông/ Bà : Chức danh: Điện thoại: Fax: Email: Mobile:	Ông : Dương Thanh Tâm Phòng kỹ thuật sms Tel: 08.73002222(8813) Fax: Email: tamdt4@fpt.com.vn Mobile: 0907.597.817
3	Đối soát	Ông/ Bà : Chức danh: Điện thoại: Fax: Email: Mobile:	Bà : Nguyễn Thị Huyền Sâm Chức danh: Phòng DV Voice Điện thoại: 04.73002222(49954) Fax: Email: samnth2@fpt.com.vn Mobile: 0977.824.379

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ các Bên nhận được thông báo về tranh chấp thì một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại thành phố Hồ Chí Minh theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Hợp Đồng bắt đầu có hiệu lực từ ngày ký và có giá trị trong vòng 12 (mười hai) tháng.
- 11.3. Hợp đồng này sẽ tự động gia hạn hàng năm và mỗi lần gia hạn sẽ là 01 (một) năm nếu 30 (ba mươi) ngày trước khi hết hạn Hợp đồng, mỗi Bên không thông báo cho phía Bên kia về ý định chấm dứt Hợp đồng. Số lần tự gia hạn là tối đa hai (02) lần.
- 11.4. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này sẽ được hai Bên thỏa thuận bằng văn bản thể hiện dưới hình thức phụ lục Hợp đồng, là bộ phận không tách rời Hợp đồng này.
- 11.5. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRẦN HẢI DƯƠNG